

CÁC VỤ VIỆN

Thương mại Quốc tế

THÔNG TIN, PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN VỀ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ, CHỐNG TRỢ CẤP VÀ TỰ VỆ



Điểm tin

Tổng hợp tin tức về chống bán phá giá, chống trợ cấp và biện pháp tự vệ trên thế giới tháng 07/2011

STT	NƯỚC ĐIỀU TRA	NƯỚC BỊ ĐIỀU TRA	NGÀY THÁNG	MẶT HÀNG BỊ ĐIỀU TRA	BIỆN PHÁP
1	Achentina	Việt Nam, Hàn Quốc, Malaysia, Thái Lan	14/07/2011	Máy điều hòa (Air conditioners)	Chấm dứt điều tra, không áp dụng biện pháp chống bán phá giá
2	EU	Malaysia	26/07/2011	Chốt sắt, thép (Iron and steel fasteners)	Quyết định áp thuế chống bán phá giá sau điều tra chống lẩn tránh thuế từ Trung Quốc
3	Hoa Kỳ	Bỉ, Đài Loan, Hàn Quốc, Nam Phi	20/07/2011	Tấm thép không gỉ (Stainless steel plate)	Tiếp tục áp thuế chống bán phá giá sau rà soát cuối kỳ
		Nam Phi			Tiếp tục áp thuế chống trợ cấp sau rà soát cuối kỳ
		Italia			Ngừng áp thuế chống bán phá giá sau rà soát cuối kỳ
6	Hoa Kỳ	Nga	20/07/2011	Amoni nitrat (Ammonium nitrate)	Tiếp tục áp thuế chống bán phá giá sau rà soát cuối kỳ
7	Hoa Kỳ	Hàn Quốc	14/07/2011	Máy biến áp loại lớn (Large power transformers)	Đệ đơn điều tra chống bán phá giá
8	Hoa Kỳ	Hàn Quốc	08/07/2011	Tấm, lá thép không gỉ (Stainless Steel Sheet and Strip)	Tiếp tục áp thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp sau rà soát cuối kỳ
		Nhật Bản, Đài Loan			Tiếp tục áp thuế chống bán phá giá sau rà soát cuối kỳ
		Đức, Italia, Mexico			Ngừng áp thuế chống bán phá giá sau rà soát cuối kỳ
11	Hoa Kỳ	Nhật Bản, Romania	05/07/2011	Ống hợp kim cacbon (Carbon and alloy seamless standard, line, and pressure pipe)	Tiến hành rà soát cuối kỳ thuế chống bán phá giá
12	Thổ Nhĩ Kỳ	Indonesia	15/07/2011	Chốt trượt (Slide Fasteners)	Khởi xướng điều tra lẩn tránh thuế chống bán phá giá từ Trung Quốc
13	Ucraina	Các quốc gia liên quan	02/07/2011	Xe ô tô chở khách (Passenger cars)	Khởi xướng điều tra tự vệ

CÁC VỤ VIỆN MÀ TRUNG QUỐC CÓ LIÊN QUAN

14	Achentina	Trung Quốc	27/07/2011	Gạch men sứ (Porcelain tiles)	Khởi xướng điều tra chống bán phá giá
15	Achentina	Trung Quốc	14/07/2011	Axit Photphoric (Phosphoric acid)	Bác bỏ đơn kiện điều tra chống bán phá giá
16	Ấn Độ	Trung Quốc	25/07/2011	Hóa chất cao su MBTS (Rubber chemicals namely MBTS)	Tiếp tục áp thuế chống bán phá giá sau rà soát cuối kỳ
17	Ấn Độ	Trung Quốc	25/07/2011	PTFE (Polytetrafluoroethylene)	Tiếp tục áp thuế chống bán phá giá sau rà soát cuối kỳ

18	Ấn Độ	Trung Quốc, Indonesia, Thái Lan, Các tiểu vương quốc Ả rập (UAE)	25/07/2011	Tấm thạch cao (Plain Gypsum Plaster Boards)	Khởi xướng điều tra chống bán phá giá
19	Canada	Đài Loan, Trung Quốc	07/07/2011	Xe đạp (Bicycles)	Tiếp tục áp thuế chống bán phá giá sau rà soát giữa kỳ
20	EU	Trung Quốc	28/07/2011	Sợi thủy tinh (Glass fibre fabrics)	Khởi xướng điều tra chống bán phá giá
21	EU	Trung Quốc	25/07/2011	Thiết bị X-quang kiểm tra an ninh (X-Ray Security Inspection Equipment)	Yêu cầu tham vấn trước WTO về biện pháp chống bán phá giá
22	EU	Trung Quốc	23/07/2011	Khóa đòn bẩy vòm (Lever arch mechanisms)	Tiến hành rà soát cuối kỳ thuế chống bán phá giá
23	EU	Trung Quốc	05/07/2011	Fucfuranđehyt (Furfuraldehyde)	Tiến hành rà soát giữa kỳ các biện pháp chống bán phá giá
24	Hoa Kỳ	Trung Quốc	27/07/2011	Búa cầm tay (Heavy Forged Hand Tools)	Tiếp tục áp thuế chống bán phá giá sau rà soát cuối kỳ
25	Hoa Kỳ	Trung Quốc	05/07/2011	Axit Sulfanilic (Sulfanilic Acid)	Tiến hành rà soát cuối kỳ thuế chống bán phá giá
		Ấn Độ			Tiến hành rà soát cuối kỳ thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp
27	Mexico	Ấn Độ, Trung Quốc	12/07/2011	Amoxicillin Trihydrate	Khởi xướng điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp

Chủ đề

Vụ giải quyết tranh chấp đầu tiên của Việt Nam tại WTO - Các biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm tôm nước ấm đông lạnh tại Hoa Kỳ

Sau 4 năm gia nhập WTO, Việt Nam đã có một khởi đầu quan trọng trong việc sử dụng Cơ chế giải quyết tranh chấp trong WTO nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của các doanh nghiệp Việt Nam trong thương mại quốc tế: Ngày 01/02/2010, Chính phủ Việt Nam gửi yêu cầu tham vấn tới Chính phủ Hoa Kỳ liên quan đến các biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm tôm nước ấm đông lạnh nhập khẩu từ Việt Nam. Ngày 11/7/2011 vừa qua, Ban Hội thẩm (WTO) đã ban hành và gửi báo cáo giải quyết tranh chấp tới các bên liên quan. Báo cáo ủng hộ hầu hết những lập luận Việt Nam đưa ra trong tham vấn. Dưới đây là thông tin tóm tắt về bối cảnh và diễn tiến của vụ việc và những bài học giá trị từ vụ việc.

BỐI CẢNH CỦA VỤ VIỆC:

Vụ điều tra chống bán phá giá đối với sản phẩm tôm nước ấm đông lạnh của Việt Nam do Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) khởi xướng tháng 1/2004. Việc điều tra được tiến hành đối với 3 doanh nghiệp bị đơn có lượng xuất khẩu lớn nhất (bao gồm: Minh Phú, Minh Hải và Camimex – gọi là bị đơn bắt buộc). Tháng 2/2005, DOC chính thức áp thuế chống bán phá giá với các thuế suất: (i) từ 4,3% đến 5,24% đối với từng bị đơn bắt buộc; (ii) mức 4,57% (là mức bình quân gia quyền của thuế suất áp dụng cho 3 bị đơn bắt buộc) đối với các bị đơn tự nguyện không được lựa chọn điều tra; và (iii) mức thuế suất toàn quốc 25,76% cho tất cả các doanh nghiệp còn lại. Theo pháp luật về chống bán phá giá của Hoa Kỳ, sau tròn mỗi năm kể từ ngày lệnh áp thuế chống bán phá giá của DOC được ban hành, DOC sẽ tiến hành rà soát hành chính để xét lại mức thuế chính thức mà DOC đã áp đối với khoảng thời gian 1 năm liền trước đó. Theo đó, tính tới thời điểm tháng 2/2010 (thời điểm Việt Nam đệ

đơn yêu cầu tham vấn CP Hoa Kỳ), DOC đã tiến hành 3 cuộc rà soát hành chính (POR) (bên nguyên đơn đã không yêu cầu rà soát hành chính năm đầu tiên sau khi đã thống nhất với phía Việt Nam). Tuy nhiên, vào thời điểm đó mới chỉ có kết quả cuối cùng của đợt rà soát hành chính hai và ba.

Trong hai đợt rà soát POR2 (04/2007) và POR3 (04/2008), có khoảng 30 doanh nghiệp xuất khẩu tôm của Việt Nam đã đăng ký tham gia rà soát. Tuy nhiên, DOC chỉ chọn 2 doanh nghiệp (Công ty Minh Phú và Camimex) trong POR2 và 3 doanh nghiệp (Minh Phú, Camimex và Phương Nam) trong POR3 là bị đơn bắt buộc dựa trên tiêu chí là doanh nghiệp có lượng xuất khẩu lớn nhất. Theo Quyết định cuối cùng của DOC về kết quả của hai đợt rà soát, mức thuế suất của các bị đơn bắt buộc đạt mức thuế suất không đáng kể (0-0,012%). Tuy nhiên, mức thuế suất này không được áp dụng cho các bị đơn tự nguyện (gồm các doanh nghiệp xuất

khẩu tôm Việt Nam có tham gia vào đợt rà soát nhưng không được DOC lựa chọn làm bị đơn bắt buộc) mà bị áp thuế theo mức thuế suất từ điều tra ban đầu là 4,57%, mức thuế suất toàn quốc cũng áp dụng theo điều tra ban đầu là 25,76%.

Trước nguy cơ DOC tiếp tục dùng các phương pháp tính toán như đã dùng trong POR2 và POR3 dẫn tới kết quả rất bất lợi trong POR4 (đặc biệt liên quan đến cơ hội thoát hoàn toàn khỏi vụ kiện của các doanh nghiệp có kết luận 3 lần biên độ phá giá tối thiểu), Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP) và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã chủ động đưa ra phân tích và kiến nghị đề xuất kiện Hoa Kỳ ra WTO lên Chính phủ. Tháng 2/2010, Chính phủ đã chấp thuận đề xuất này và bắt đầu vụ kiện bằng tham vấn gửi Chính phủ Hoa Kỳ.

TÓM TẮT DIỄN TIẾN VỤ VIỆC:

GIẢI ĐOẠN THAM VẤN

Ngày 01/02/2010, Chính phủ Việt Nam đã gửi yêu cầu tham vấn tới Chính phủ Hoa Kỳ liên quan tới các biện pháp chống bán phá giá (CBPG) mà Hoa Kỳ đã áp dụng đối với sản phẩm tôm nước ấm đông lạnh của Việt Nam.

Cụ thể, Việt Nam khiếu nại các biện pháp sau đây của DOC là vi phạm WTO:

- (i) Sử dụng phương pháp “Quy về 0 – Zeroing” trong tính toán biên độ phá giá;
- (ii) Giới hạn số lượng bị đơn được lựa chọn điều tra trong điều tra ban đầu và rà soát hành chính;
- (iii) Phương thức xác định thuế suất áp dụng đối với các bị đơn tự nguyện không được lựa chọn trong điều tra rà soát hành chính lần 2 và 3;
- (iv) Phương pháp xác định mức thuế suất toàn quốc dựa trên thông tin sẵn có bất lợi đối với những doanh nghiệp Việt Nam không chứng minh được sự độc lập trong hoạt động sản xuất kinh doanh của họ với Nhà nước.

Việt Nam cho rằng những phương pháp này của Hoa Kỳ vi phạm các Điều I, II, VI:1 và VI:2 Hiệp định GATT 1994; một số Điều của Hiệp định về Chống bán phá giá (CBPG); Điều XVI:4 Hiệp định Thành lập WTO và Nghị định thư gia nhập WTO của Việt Nam.

Tham vấn giữa hai bên nhằm giải quyết ổn thỏa, nhanh chóng vụ việc đã không thành công.

GIẢI ĐOẠN HỘI THẨM

Ngày 7/4/2010 Việt Nam chính thức đề nghị WTO thành lập Ban Hội thẩm giải quyết tranh chấp này theo Cơ chế giải quyết trong khuôn khổ WTO (DSU).

Nội dung tranh chấp của vụ việc này của Việt Nam thu hút sự quan tâm của nhiều bên. Có tới 7 nước đăng ký tham gia với tư cách bên thứ ba vào vụ kiện này (bao gồm: Liên minh Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mexico, Thái Lan, Trung Quốc và Ấn Độ). Đa số các nước này trong quá trình xem xét của Ban Hội thẩm đều có ý kiến ủng hộ quan điểm của Việt Nam (trừ trong một số hãn hữu vấn đề mà họ không có cùng mối quan tâm).

BÁO CÁO CỦA BAN HỘI THẨM

Ngày 11/07/2011, Ban Hội thẩm ban hành

báo cáo tới các bên liên quan. Báo cáo được xây dựng trên cơ sở phân tích các vấn đề khiếu kiện, các lập luận và phản biện của các bên tham gia. Cụ thể, trong Báo cáo của Ban Hội thẩm nêu rõ:

(i) Liên quan đến khiếu kiện về phương pháp “Quy về 0”:

Phương pháp “Quy về 0” trong điều tra rà soát thuế chống bán phá giá là một thông lệ được Hoa Kỳ sử dụng trong hầu hết các vụ điều tra chống bán phá giá của nước này. Nội dung của phương pháp này là khi tính toán biên độ phá giá chung, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) chỉ tính các biên độ phá giá có giá trị âm sẽ được tự động chuyển về thành 0. Với phương pháp này, biên độ phá giá chung được tính toán sẽ cao hơn, từ đó mức thuế chống bán phá giá cũng bị đội lên rất nhiều.

Ban Hội thẩm ủng hộ lập luận của Việt Nam rằng việc sử dụng phương pháp “Quy về 0” của Bộ Thương mại Hoa Kỳ trong xác định biên độ phá giá đối với các bị đơn bắt buộc trong rà soát hành chính lần 2 và lần 3 là trái với Điều 2.4 trong Hiệp định CBPG. Ngoài ra, Ban Hội thẩm cũng cho rằng việc sử dụng phương pháp “Quy về 0” trong bất kỳ rà soát hành chính nào của Hoa Kỳ là vi phạm Điều 9.3 của Hiệp định CBPG và Điều VI:2 GATT 1994.

Quyết định này của Ban Hội thẩm cũng phù hợp với các tiền lệ trong nhiều vụ tranh chấp trước đây trong khuôn khổ WTO về vấn đề này. Trên thực tế, sau nhiều phán quyết cáo buộc vi phạm, Hoa Kỳ đã phải dỡ bỏ phương pháp quy về 0 trong điều tra ban đầu cho tất cả các vụ việc. Tuy nhiên, nước này chưa chấp nhận dỡ bỏ hoàn toàn phương pháp này trong điều tra rà soát hành chính (chỉ dỡ bỏ đối với các vụ việc cụ thể đã bị kiện ra WTO và bị tuyên vi phạm). Đây chính là một trong những lý do chính khiến Việt Nam phải tiến hành vụ việc này nhằm bảo vệ lợi ích cụ thể của các doanh nghiệp tôm Việt Nam trong rà soát hành chính. Do đó, việc Việt Nam “thắng” ở vấn đề này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với Việt Nam.

(ii) Liên quan đến khiếu kiện về việc hạn chế số lượng bị đơn bắt buộc (bị đơn được lựa chọn):

Liên quan đến vấn đề điều tra riêng các bị đơn không được lựa chọn điều tra nhưng tự nguyện cung cấp bản trả lời, trong báo cáo của mình, Ban Hội thẩm đã bác bỏ khiếu nại của Việt Nam với lý do trên thực tế không có doanh nghiệp nào của Việt Nam không được lựa chọn điều tra nhưng cung cấp “bản trả lời tự nguyện”. Đến giai đoạn này, đây là nội dung

duy nhất mà Việt Nam có thể xem là “chưa thắng” trong vụ kiện này.

(iii) Liên quan đến khiếu kiện về mức thuế suất áp dụng cho các bị đơn tự nguyện không được lựa chọn:

Theo quy định của WTO (Điều 9.4 Hiệp định CBPG) thì thuế suất áp dụng cho các bị đơn tự nguyện không được lựa chọn điều tra sẽ bằng bình quân gia quyền thuế suất xác định cho các bị đơn bắt buộc (trừ các trường hợp bị đơn bắt buộc có mức thuế suất xác định dựa trên các thông tin sẵn có bất lợi hoặc có thuế suất bằng 0% hoặc từ 0-2%).

Tuy nhiên, Điều khoản này của WTO lại không quy định gì về cách thức xác định thuế suất cho bị đơn tự nguyện khi tất cả các bị đơn bắt buộc đều có mức thuế suất bằng 0 hoặc không đáng kể (như kết quả của POR2 và POR3 nêu ở trên). Theo một phán quyết của Cơ quan phúc thẩm WTO trước đây thì tình trạng này được xem là “lỗ hổng pháp lý” và vì vậy khó có thể nói việc DOC sử dụng thuế suất cho bị đơn tự nguyện theo kết quả của vụ điều tra gốc là sai hay không. Có thể đây là lý do khiến Ban Hội thẩm không trả lời khiếu nại của Việt Nam về vấn đề này.

Mặc dù vậy, vì DOC sử dụng phương pháp Quy về 0 (đã bị tuyên là vi phạm) trong vụ điều tra gốc để tính toán thuế suất cho bị đơn tự nguyện nên việc DOC bê y nguyên mức thuế suất này các bị đơn tự nguyện trong POR2 và POR3 được Ban Hội thẩm xác định là vi phạm WTO.

(iv) Liên quan đến việc xác định mức thuế suất toàn quốc:

Theo Hiệp định CBPG (Điều 9.4) thì cơ quan điều tra phải tiến hành điều tra xác định thuế suất riêng cho từng bị đơn trong vụ việc chống bán phá giá; trong trường hợp không thể điều tra hết được (do số lượng bị đơn quá nhiều và nguồn lực của cơ quan điều tra hạn chế), cơ quan này có thể chỉ điều tra một số lượng bị đơn nhất định, số bị đơn còn lại (không được điều tra) sẽ được hưởng thuế suất bằng bình quân gia quyền của các bị đơn được điều tra. Như vậy, với quy định này, sẽ chỉ có 2 loại thuế suất là “thuế suất riêng cho bị đơn bắt buộc” (individual rates), “thuế suất cho các bị đơn còn lại” (“all other” rate) trong vụ điều tra chống bán phá giá.

Tuy nhiên, trong vụ tôm Việt Nam cũng như trong thông lệ tại Hoa Kỳ, ngoài hai loại thuế suất trên, DOC còn áp dụng thêm loại “thuế suất toàn quốc” (country-wide rate) cho các trường hợp bị đơn không được lựa chọn điều tra và không thỏa mãn điều kiện “hoạt động

độc lập, không chịu sự kiểm soát của Nhà nước” để được hưởng mức “all others rate”. Ban Hội thẩm ủng hộ lập luận của Việt Nam rằng quy định này của Hoa Kỳ là vi phạm WTO: theo Điều 9.4 nói trên thì thuế suất loại “all others” được áp dụng không kèm theo điều kiện gì, việc DOC đặt thêm điều kiện “doanh nghiệp phải chứng minh được mình độc lập khỏi sự kiểm soát của Nhà nước” là vi phạm WTO.

Đây có thể xem là thắng lợi rất đáng kể của Việt Nam trong vụ việc này bởi khác với phương pháp Quy về 0 vốn đã bị tuyên vi phạm trong nhiều phán quyết của WTO, vấn đề “thuế suất toàn quốc” là vấn đề mới và hầu

như chưa có tiền lệ rõ ràng trong WTO trong khi đây lại là phương pháp Hoa Kỳ sử dụng rất phổ biến trong các vụ việc của các nước có nền kinh tế thị trường, gây thiệt hại đáng kể cho các doanh nghiệp ở các nước này (bởi thuế suất toàn quốc mà DOC áp dụng hầu hết là cao hơn mức “all others rate”).

KHUYẾN NGHỊ CHUNG CỦA BAN HỘI THẨM:

Từ các phán quyết về từng vấn đề nêu trên, Ban Hội thẩm kết luận Hoa Kỳ có các hành vi vi phạm các điều khoản của Hiệp định Chống bán phá giá và Hiệp định GATT 1994 và điều này đã gây tổn hại tới quyền lợi

của Việt Nam theo các Hiệp định này. Vì vậy, Ban Hội thẩm khuyến nghị Hoa Kỳ điều chỉnh các biện pháp liên quan cho phù hợp các Hiệp định nêu trên (theo Điều 19.1 DSU).

Theo Thủ tục giải quyết tranh chấp trong WTO, Việt Nam và Hoa Kỳ có khoảng thời gian là 60 ngày để đưa ra kháng cáo báo cáo này của Ban Hội thẩm lên Cơ quan Phúc thẩm. Nếu không có kháng cáo trong thời hạn trên, Báo cáo của Ban hội thẩm sẽ được DSB thông qua và có giá trị bắt buộc. Khi đó, Bên thua kiện có 30 ngày để thông báo với DSB về việc thi hành khuyến nghị của mình.

BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ VỤ VIỆC:

Ý NGHĨA CỦA VỤ VIỆC

DS 404 là vụ kiện đầu tiên mà Việt Nam khởi xướng (với tư cách người đi kiện – nguyên đơn) trong khuôn khổ WTO.

Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, vụ kiện được xem là thành công lớn ở cả hai khía cạnh: (i) lựa chọn đúng và đúng vấn đề (những vấn đề có khả năng thắng cao, đồng thời là những biện pháp, phương pháp, thông lệ mà Hoa Kỳ áp dụng cho tất cả các cuộc điều tra đã hoặc sẽ xảy ra trong tương lai) và (ii) chuẩn bị các lập luận xác đáng, thuyết phục để đạt được kết quả tốt nhất có thể (trên thực tế Việt Nam thắng ở 3 trên 4 vấn đề khiếu kiện).

Với thành công này, vụ việc có ý nghĩa quan trọng trong việc:

- ▶ Đảm bảo rằng Hoa Kỳ sẽ không áp dụng các biện pháp bất lợi liên quan đối với hàng hóa Việt Nam; vấn đề kiện chống bán phá giá ở Hoa Kỳ đối với hàng hóa Việt Nam vì vậy có thể sẽ bớt khắc nghiệt hơn; mức độ thiệt hại từ các vụ kiện được hy vọng sẽ giảm đáng kể. Cũng thông qua vụ việc này, Việt Nam đã gửi thông điệp ra thế giới rằng Việt Nam sẽ đấu tranh tích cực để bảo vệ các quyền lợi của nhà xuất khẩu trong các vụ kiện chống bán phá giá tại bất kỳ nước nào;
- ▶ Là một kinh nghiệm thực tế nhiều kích lệ cho Việt Nam trong việc tự tin, chủ động sử dụng công cụ giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam trong thương mại quốc tế theo các quy định

của WTO mà không làm ảnh hưởng đến quan hệ ngoại giao giữa các bên tranh chấp.

VỀ VAI TRÒ CỦA CÁC HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP

Trong vụ việc đầu tiên, mọi công việc từ ý tưởng khởi kiện đến quyết định tham vấn, từ lựa chọn luật sư đến chuẩn bị chứng cứ, từ tham gia các thủ tục tố tụng đến theo dõi thực thi... đối với Việt Nam đều là “lần đầu tiên”. Những cái được và chưa được trong vụ việc của những “lần đầu tiên” này là những kinh nghiệm quý báu cho Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp, hiệp hội nói riêng trong việc sử dụng công cụ giải quyết tranh chấp trong WTO để bảo vệ lợi ích của mình. Đặc biệt, điểm đáng ghi nhận nhất trong vụ việc này là vai trò chủ động, tích cực của các Hiệp hội doanh nghiệp trong việc phát hiện vấn đề cũng như tham gia vào quá trình chuẩn bị cho vụ việc. Cụ thể, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã tiến hành:

- ▶ Chủ động nghiên cứu nghiêm túc vấn đề từ góc độ của Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế, đưa đề xuất với Chính phủ về việc Việt Nam cần khởi kiện Hoa Kỳ ra WTO;
- ▶ Trong khi các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền còn đang lúng túng bởi chưa có tiêu chí hay cơ chế nội bộ nào cho việc quyết định có khởi kiện hay không, đã có những lập luận thuyết phục và chặt chẽ với các cơ quan liên quan cũng như những hình thức tuyên truyền thích hợp nhằm tạo sự ủng hộ của công chúng, góp phần

vào quá trình ra quyết định khởi kiện của Chính phủ;

- ▶ Tham gia tích cực và hiệu quả vào việc lựa chọn luật sư tư vấn cho vụ việc và với việc giới thiệu luật sư giỏi, nhiều kinh nghiệm và có kết nối từ vụ việc gốc ở Hoa Kỳ và tranh chấp trong WTO, có thể nói hai Hiệp hội đã cùng góp phần vào thành công trong kết quả của vụ việc.

Mặc dù các Hiệp hội liên quan đã có đóng góp rất tích cực và phối hợp tốt với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong giai đoạn đầu, vẫn còn những vấn đề tồn tại trong quá trình tham gia giải quyết tranh chấp này, chủ yếu trong giai đoạn sau đó. Cụ thể:

- ▶ Sau khi vụ việc được bắt đầu, các Hiệp hội không được thông tin về diễn tiến cũng như những nội dung liên quan của vụ việc cũng như không có cơ hội phối hợp, sát cánh cùng các cơ quan Nhà nước liên quan trong quá trình giải quyết vụ việc;
- ▶ Các Hiệp hội cũng không được tham gia hay tiếp cận các báo cáo về vụ việc của phía Việt Nam và những kinh nghiệm từ vụ việc tranh chấp đầu tiên trong WTO này.

Vụ tranh chấp đầu tiên giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong khuôn khổ WTO chỉ là một trong số hơn 400 vụ tranh chấp giữa các nước thành viên mà WTO đã chứng kiến từ ngày thành lập năm 1995 đến nay, vì thế nó có thể không đặc biệt lắm với thế giới. Nhưng rõ ràng với Việt Nam đây lại là bước ngoặt có ý nghĩa, với nhiều bài học lớn cho Chính phủ cũng như các doanh nghiệp, Hiệp hội doanh nghiệp ở Việt Nam nói riêng./